THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2213/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Cả

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Kết luận số 213-KL/TW ngày 21 tháng 11 năm 2025 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2026/NQ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 về thực hiện một số giải pháp cấp bách trong quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Cả, gồm các hồ: Bản Vẽ, Nậm Nơn, Khe Bố, Chi Khê, Nậm Mô, Bản Ang, Nhạn Hạc A, Châu Thắng, Bản Mồng, Hố Hô và Ngàn Trươi.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Cả.

2. Các quy trình vận hành hồ chứa đã ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực mà không phù hợp với Quyết định này thì phải được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Quyết định này.

3. Khi hồ Bản Mồng được cấp có thẩm quyền cho phép tích nước đến mực nước dâng bình thường thì phải vận hành theo quy định của Quy trình này.

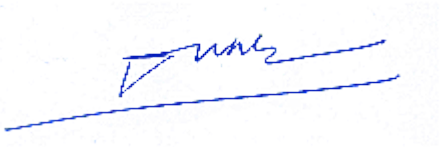
4. Quy trình vận hành liên hồ chứa là giải pháp phi công trình để phối hợp vận hành giữa các hồ chứa, góp phần nâng cao hiệu quả cắt, giảm lũ cho hạ du trong mùa lũ và sử dụng hiệu quả nguồn nước, giảm thiểu nguy cơ hạn hán, thiếu nước trong mùa cạn trên lưu vực sông Cả.

5. Các bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện việc bảo đảm an toàn cho hạ du trong mùa lũ và đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trong mùa cạn trên cơ sở thực hiện đồng bộ, tổng thể các giải pháp công trình, phi công trình, trong đó bao gồm xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng phòng, chống thiên tai, thủy lợi, thủy điện, cấp nước, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch ngành, chi tiết ngành có liên quan.

Điều 3. Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; các Bộ trưởng: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các tỉnh: Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị; Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn; Giám đốc, Tổng giám đốc hoặc Thủ trưởng hoặc người đại diện theo pháp luật (sau đây gọi chung là Giám đốc) của đơn vị quản lý, vận hành hồ: Bản Vẽ, Nậm Nơn, Khe Bố, Chi Khê, Nậm Mô, Bản Ang, Nhạn Hạc A, Châu Thắng, Bản Mồng, Hố Hô, Ngàn Trươi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Tài chính, Quốc phòng, Công an, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- UBND, Ban Chỉ huy PTDS các tỉnh tại Điều 3;
- Các cục: Quản lý tài nguyên nước, Khí tượng Thủy văn;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia;
- Các đơn vị quản lý, vận hành hồ tại Điều 3;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục: CN, NC, CTTCP, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2).

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Hồ Quốc Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY TRÌNH
Vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Cả

(Kèm theo Quyết định số 2213/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hằng năm, các hồ: Bản Vẽ, Nậm Nơn, Khe Bố, Chi Khê, Nậm Mô, Bản Ang, Nhạn Hạc A, Châu Thắng, Bản Mồng, Hố Hô và Ngàn Trươi phải vận hành theo nguyên tắc và thứ tự ưu tiên như sau:

1. Vận hành trong mùa lũ:

a) Đảm bảo an toàn công trình:

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình Bản Vẽ và Nậm Nơn, không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 5.000 năm;

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình Khe Bố, Chi Khê, Bản Mồng và Ngàn Trươi, không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 1.000 năm;

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình Nậm Mô, Bản Ang, Nhạn Hạc A, Châu Thắng và Hố Hô, không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 500 năm.

b) Góp phần giảm lũ cho hạ du;

c) Đảm bảo hiệu quả cấp nước, phát điện và duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, góp phần đảm bảo an ninh nguồn nước, năng lượng.

2. Vận hành trong mùa cạn:

a) Đảm bảo an toàn công trình;

b) Đảm bảo nhu cầu sử dụng nước ở hạ du;

c) Đảm bảo hiệu quả cấp nước, phát điện và duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, góp phần đảm bảo an ninh nguồn nước, năng lượng.

Điều 2. Thời gian vận hành mùa lũ, mùa cạn trong Quy trình này được quy định như sau:

1. Thời gian vận hành mùa lũ (sau đây gọi tắt là mùa lũ):

a) Từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 30 tháng 11 đối với các hồ: Bản Vẽ, Khe Bố, Chi Khê, Nậm Nơn, Nậm Mô, Bản Ang, Bản Mồng, Nhạn Hạc A và Châu Thắng;

b) Từ ngày 15 tháng 8 đến ngày 30 tháng 11 đối với các hồ: Ngàn Trươi và Hố Hô.

2. Thời gian vận hành mùa cạn (sau đây gọi tắt là mùa cạn):

a) Từ ngày 01 tháng 12 đến ngày 30 tháng 6 năm sau đối với các hồ: Bản Vẽ, Khe Bố, Chi Khê, Nậm Nơn, Nậm Mô, Bản Ang, Bản Mồng, Nhạn Hạc A và Châu Thắng;

b) Từ ngày 01 tháng 12 đến ngày 14 tháng 8 năm sau đối với các hồ: Ngàn Trươi và Hố Hô.

Điều 3. Việc vận hành các công trình xả của các hồ chứa phải tuân thủ theo đúng quy trình vận hành công trình xả đã được ban hành nhằm đảm bảo ổn định cho hệ thống công trình đầu mối, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của người dân và các hoạt động có liên quan đến vận hành xả nước ở khu vực hạ lưu của hồ chứa.

Điều 4. Các thông số kỹ thuật cơ bản của các hồ chứa theo Phụ lục I của Quy trình này.

Chương II
VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA TRONG MÙA LŨ

Điều 5. Nguyên tắc vận hành các hồ giảm lũ cho hạ du

1. Việc thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình được thực hiện theo quy trình vận hành của hồ đã được ban hành, trừ các tình huống bất thường, khẩn cấp quy định tại Chương IV của Quy trình này hoặc các trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ hoặc Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia quyết định.

2. Việc vận hành giảm lũ cho hạ du phải bảo đảm an toàn công trình hồ chứa, không gây đột biến dòng chảy, bất thường đe dọa trực tiếp đến tính mạng và tài sản của người dân ở khu vực ven sông ở hạ du các hồ chứa; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời gian vận hành mùa lũ quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy trình này, khi chưa tham gia vận hành giảm lũ cho hạ du, mực nước các hồ chứa không được vượt mực nước cao nhất trong điều kiện bình thường được

quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy trình này, trừ trường hợp lưu lượng đến hồ vượt quá năng lực xả tối đa của công trình đối với hồ Ngàn Trươi và trường hợp quy định tại Điều 15 của Quy trình này.

4. Trong quá trình vận hành phải thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về: tình hình thời tiết, mưa, lũ; mực nước tại các trạm thủy văn; mực nước, lưu lượng đến hồ và các bản tin dự báo, thông tin dự báo tiếp theo để vận hành, điều tiết hồ cho phù hợp với tình hình thực tế; đồng thời, phải thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong việc chỉ đạo điều hành, cung cấp, chia sẻ các thông tin, số liệu khí tượng, thủy văn, vận hành hồ chứa để nâng cao hiệu quả giảm lũ cho hạ du, bảo đảm an toàn công trình và xử lý các tình huống bất thường, khẩn cấp.

5. Sau khi kết thúc quá trình vận hành giảm lũ cho hạ du hoặc sau khi vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp hoặc sau khi vận hành bảo đảm an toàn công trình phải đưa dần mực nước hồ về mực nước quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy trình này.

6. Trong quá trình vận hành, khi xảy ra các tình huống bất thường, khẩn cấp thì thực hiện theo quy định tại Điều 24 và Điều 26 của Quy trình này.

Điều 6. Quy định mực nước vận hành hồ trong mùa lũ

1. Mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên sông tại các Trạm thủy văn Thạch Giám, Con Cuông, Nghĩa Khánh, Chu Lễ, Linh Cảm và Chợ Tràng theo quy định về cấp báo động lũ được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Mực nước cao nhất của các hồ thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường được quy định tại Bảng 1. Đối với các hồ chứa khác không quy định tại Bảng 1 thì mực nước cao nhất thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường được thực hiện theo quy định của Quy trình vận hành hồ chứa do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Bảng 1. Mực nước cao nhất của các hồ thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường

Hồ	Mực nước hồ (m)				
	Từ 01/7 đến 14/8	Từ 15/8 đến 31/8	Từ 01/9 đến 30/9	Từ 01/10 đến 31/10	Từ 01/11 đến 30/11
Bản Vẽ	191,5	191,5	191,5 - 195,0	195,0 - 197,5	197,5 - 199,5
Bản Mồng	74,0	74,5	74,5	75,0	75,0 - 75,5
Ngàn Trươi	(*)	46,0	46,0	51,0	51,0 - 51,5
Hố Hô	(*)	69,5			

(*) Thời gian vận hành mùa cạn

3. Mực nước đón lũ thấp nhất của các hồ khi tham gia vận hành giảm lũ cho hạ du được quy định tại Bảng 2.

Bảng 2. Mực nước đón lũ thấp nhất của các hồ

Hồ	Mực nước hồ (m)				
	Từ 01/7 đến 14/8	Từ 15/8 đến 31/8	Từ 01/9 đến 30/9	Từ 01/10 đến 31/10	Từ 01/11 đến 30/11
Bản Vẽ	190,5	190,5	191,5	195,0	197,5
Bản Mồng	73,0	73,5	73,5	74,0	74,5
Ngàn Trươi	(*)	45,0	45,0	50,0	50,5
Hố Hô	(*)	64,5			

(*) Thời gian vận hành mùa cạn

4. Mực nước tại các trạm thủy văn để quyết định vận hành các hồ giảm lũ cho hạ du được quy định tại Bảng 3.

Bảng 3. Mực nước tại các trạm thủy văn để quyết định vận hành các hồ giảm lũ cho hạ du

Hồ	Trạm thủy văn	Cấp báo động	Mực nước (m)
Bản Vẽ	Con Cuông	II	29,0
	Chợ Tràng	II	4,0
Bản Mồng	Nghĩa Khánh	II	39,0
	Chợ Tràng	II	4,0
Ngàn Trươi	Linh Cảm	II	5,5
	Chợ Tràng	II	4,0
Hố Hô	Chu Lễ	II	12,5

Điều 7. Chế độ vận hành hồ và thẩm quyền chỉ đạo, quyết định vận hành hồ trong mùa lũ

1. Việc vận hành hồ trong mùa lũ quy định tại Điều 2 của Quy trình này như sau:

a) Vận hành giảm lũ cho hạ du:

- Đối với các hồ Bản Vẽ, Bản Mồng, Ngàn Trươi và Hố Hô vận hành giảm lũ cho hạ du được quy định cụ thể tại các Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Quy trình này bao gồm một, một số hoặc toàn bộ chế độ vận hành sau đây:

+ Vận hành hạ thấp mực nước hồ: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả lớn hơn lưu lượng đến hồ nhằm hạ dần mực nước hồ về mực nước đón lũ thấp nhất để tạo thêm dung tích phòng lũ. Căn cứ vào

mực nước hồ, lưu lượng đến hồ và mực nước tại trạm thủy văn, người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này quyết định cụ thể về thời gian xả, lưu lượng xả phù hợp để hạ dần mực nước hồ;

+ Vận hành duy trì mực nước hồ: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (sai số cho phép +/- 10%) nhằm duy trì mực nước hồ;

+ Vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ để tích nước vào hồ nhằm cắt, giảm lũ cho hạ du, nhưng phải đảm bảo mực nước hồ không vượt quá mực nước dâng bình thường (riêng mực nước hồ Ngàn Trươi không vượt quá cao trình 54,62 m);

+ Vận hành đưa mực nước hồ về mực nước cao nhất thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả lớn hơn lưu lượng đến hồ nhằm đưa dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1 của Quy trình này sau khi vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du;

Việc vận hành giảm lũ cho hạ du còn bao gồm chế độ vận hành điều tiết mực nước hồ để bảo đảm không vượt quá mực nước đón lũ thấp nhất trong trường hợp mực nước hồ thấp hơn mực nước quy định tại Bảng 2 của Quy trình này.

- Đối với các hồ khác, việc phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du được quy định cụ thể tại Điều 12 và Điều 13 của Quy trình này.

b) Vận hành bảo đảm an toàn công trình: là quá trình vận hành điều tiết xả nước của hồ để bảo đảm an toàn công trình khi mực nước hồ đã đạt đến mực nước dâng bình thường, riêng mực nước hồ Ngàn Trươi đạt đến cao trình 54,62 m (trừ các hồ được quy định mực nước khác để vận hành an toàn công trình theo quy định của Quy trình vận hành hồ do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước), mà lưu lượng đến hồ vẫn tiếp tục tăng và được quy định tại Điều 14 của Quy trình này;

c) Vận hành tích nước cuối mùa lũ: là quá trình vận hành với tổng lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ nhằm tích nước vào hồ và được quy định cụ thể tại Điều 15 của Quy trình này;

d) Vận hành trong điều kiện bình thường: là chế độ vận hành khác với quy định tại các điểm a, b, c khoản này và Điều 24 của Quy trình này để điều tiết, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước ở hạ du, duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, phát điện, kể cả việc vận hành điều tiết qua tràn để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá mực nước cao nhất thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường được quy định tại Điều 16 của Quy trình này.

2. Điều kiện thực hiện các chế độ vận hành hồ quy định tại khoản 1 Điều này được quy định như sau:

a) Các hồ phải thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du quy định tại điểm a khoản 1 Điều này khi xuất hiện tình huống sau:

Khi Cục Khí tượng Thủy văn cảnh báo hoặc dự báo có bão khẩn cấp, áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc có các hình thế thời tiết khác có khả năng gây mưa, lũ mà trong vòng 24 đến 48 giờ tới có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến các địa phương hoặc gây ngập, lụt trên lưu vực sông Cả (sau đây gọi tắt là dự báo có mưa, lũ). Trường hợp không có dự báo có mưa, lũ mà lưu lượng về hồ vượt: 1.000 m^3/s đối với hồ Bản Vẽ, 1.500 m^3/s đối với hồ Bản Mồng, 700 m^3/s đối với hồ Ngàn Trươi, 400 m^3/s đối với hồ Hố Hô (sau đây gọi tắt là lũ đến hồ).

Việc thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du phải được thực hiện kể từ khi xuất hiện tình huống quy định tại điểm này cho đến khi mực nước hồ không vượt quá mực nước quy định tại Bảng 1 hoặc mực nước tại các trạm thủy văn đã xuống dưới mức báo động I và còn đang tiếp tục xuống, đồng thời không có khả năng xuất hiện một đợt lũ mới;

b) Các hồ Bản Vẽ, Bản Mồng, Hố Hô phải thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình kể từ khi mực nước hồ đã đạt đến mực nước dâng bình thường (riêng mực nước hồ Ngàn Trươi đạt đến cao trình 54,62 m) mà lũ đến hồ còn tiếp tục tăng và có khả năng ảnh hưởng đến an toàn công trình cho đến khi mực nước hồ đã giảm xuống dưới mực nước dâng bình thường (riêng mực nước hồ Ngàn Trươi đã giảm xuống dưới cao trình 54,62 m) và lũ đến hồ đã giảm. Các hồ khác phải thực hiện chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định của Quy trình vận hành hồ, đập do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

c) Các hồ bắt đầu thực hiện chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ, nếu từ ngày 01 tháng 9 đối với hồ Bản Vẽ, ngày 01 tháng 11 đối với các hồ Bản Mồng, Ngàn Trươi không xuất hiện các tình huống theo quy định tại điểm a khoản này. Đồng thời, bản tin cảnh báo, dự báo trong 10 ngày tới của Cục Khí tượng Thủy văn không có thông tin xuất hiện các hình thế thời tiết có thể gây mưa, lũ lớn trên lưu vực sông Cả;

d) Ngoài thời gian thực hiện các chế độ vận hành quy định tại các điểm a, b và c khoản này, Điều 24 của Quy trình này, các hồ thực hiện chế độ vận hành trong điều kiện bình thường.

3. Trách nhiệm, thẩm quyền quyết định vận hành các hồ trong mùa lũ được quy định như sau:

a) Đối với việc thực hiện chế độ vận hành giảm lũ, phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du, tích nước cuối mùa lũ và vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp do Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định, được quy định như sau:

- Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An quyết định việc vận hành giảm lũ cho hạ du (hạ thấp mực nước hồ, duy trì mực nước hồ, cắt, giảm lũ cho hạ du và vận hành đưa mực nước hồ về mực nước cao nhất thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường), quyết định việc phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du đối với các hồ Bản Vẽ, Khe Bố, Chi Khê, Bản Mồng, Nậm Mô, Bản Ang, Nậm Nơn, Nhạn Hạc A và Châu Thắng.

- Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Hà Tĩnh quyết định việc vận hành giảm lũ cho hạ du (hạ thấp mực nước hồ, duy trì mực nước hồ, cắt, giảm lũ cho hạ du và vận hành đưa mực nước hồ về mực nước cao nhất thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường), quyết định việc phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du đối với các hồ Ngàn Trươi và Hố Hô.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định đối với việc vận hành tích nước cuối mùa lũ và chế độ vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp đối với các hồ Bản Vẽ, Khe Bố, Chi Khê, Bản Mồng, Nậm Mô, Bản Ang, Nậm Nơn, Nhạn Hạc A và Châu Thắng.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh quyết định việc vận hành tích nước cuối mùa lũ và chế độ vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp đối với các hồ Ngàn Trươi và Hố Hô;

b) Đối với việc thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình và vận hành trong điều kiện bình thường do Giám đốc, Tổng Giám đốc hoặc Thủ trưởng đơn vị quản lý, vận hành hồ (sau đây gọi tắt là Chủ hồ) quyết định trên cơ sở quy trình vận hành hồ chứa được cấp có thẩm quyền ban hành và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

c) Trường hợp người có thẩm quyền chỉ đạo, quyết định vận hành hồ theo quy định tại điểm a, b khoản này mà không thực hiện trách nhiệm của mình dẫn đến mất an toàn cho công trình, hạ du, gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản của người dân thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Việc quyết định, chỉ đạo vận hành các hồ đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản này được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: lệnh vận hành, chỉ đạo bằng văn bản, điện thoại, tin nhắn hoặc chỉ đạo trực tiếp hoặc các hình thức thông tin, liên lạc khác phù hợp (sau đây gọi chung là lệnh vận hành). Trường hợp lệnh vận hành chưa được ban hành bằng văn bản thì sau đó phải có văn bản gửi cho các cơ quan liên quan để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý. Chủ hồ phải báo cáo lại việc thực hiện lệnh vận hành bằng văn bản và lưu trữ để phục vụ kiểm tra, giám sát việc vận hành.

Trường hợp xuất hiện các tình huống phải thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du, tích nước cuối mùa lũ hoặc phải chuyển sang chế độ vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp theo quy định của Quy trình này mà Chủ hồ không nhận được lệnh vận hành của Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này thì Chủ hồ quyết định việc vận hành theo quy định của Quy

trình này và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Đồng thời, báo cáo ngay Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này. Việc báo cáo vận hành công trình được thực hiện theo một trong các phương thức sau: trực tiếp, mạng vi tính, thư điện tử, điện thoại có ghi âm, máy vô tuyến điện và các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác. Toàn bộ hồ sơ, dữ liệu, nhật ký vận hành và cơ sở đưa ra quyết định vận hành phải được lưu trữ, gửi các cơ quan, đơn vị liên quan để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý.

đ) Lệnh vận hành phải thể hiện các thông tin chính như sau: hiện trạng mực nước hạ du, mực nước hồ, lưu lượng về hồ, lưu lượng xả sau công trình; mục tiêu cần đạt của lệnh; thời gian thực hiện lệnh; mực nước hồ dự kiến đạt; cấp lưu lượng xả và các yêu cầu khác (nếu có).

Điều 8. Vận hành giảm lũ cho hạ du đối với hồ Bản Vẽ

1. Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Con Cuông chưa vượt mức báo động I thì thực hiện vận hành hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm b, c và d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 14 của Quy trình này.

b) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Con Cuông vượt mức báo động I nhưng vẫn dưới mức báo động II hoặc lưu lượng đến hồ từ 1.000 m^3/s đến 1.200 m^3/s thì thực hiện vận hành duy trì mực nước hồ.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại các Trạm thủy văn Con Cuông, Chợ Tràng, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm c và d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 14 của Quy trình này.

c) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Con Cuông hoặc Chợ Tràng bằng hoặc vượt mực nước quy định tại Bảng 3 của Quy trình này hoặc lưu lượng đến hồ lớn hơn 1.200m^3/s thì thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du.

Trong quá trình vận hành, nếu mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ, đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 14 của Quy trình này.

d) Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm c khoản này, nếu mực nước hồ cao hơn giá trị quy định tại Bảng 1 thì

thực hiện vận hành hạ dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1, khi xuất hiện một trong các tình huống sau đây:

- Mực nước tại Trạm thủy văn Con Cuông đã xuống dưới báo động I;

- Mực nước tại Trạm thủy văn Con Cuông vẫn trên báo động I nhưng dưới báo động II và dự báo có khả năng xuất hiện một đợt lũ mới.

đ) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm d khoản này, nếu lũ lại tiếp tục lên thì căn cứ vào từng trường hợp mực nước tại các Trạm thủy văn Con Cuông, Chợ Tràng, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

2. Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Con Cuông đang dưới báo động I thì thực hiện vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 2;

b) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm a khoản này, căn cứ vào mực nước trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện các chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này.

Điều 9. Vận hành giảm lũ cho hạ du đối với hồ Bản Mồng

1. Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Nghĩa Khánh chưa vượt mức báo động I thì thực hiện vận hành hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại điểm b, c và d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 14 của Quy trình này.

b) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Nghĩa Khánh vượt mức báo động I nhưng vẫn dưới mức báo động II hoặc lưu lượng đến hồ từ 1.500 m^3/s đến 2.000 m^3/s thì thực hiện vận hành duy trì mực nước hồ.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại các Trạm thủy văn Nghĩa Khánh, Chợ Tràng, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại các điểm c và d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 14 của Quy trình này.

c) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Nghĩa Khánh hoặc Chợ Tràng bằng hoặc vượt mực nước quy định tại Bảng 3 của Quy trình này hoặc lưu lượng đến hồ lớn hơn 2.000 m^3/s thì thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du.

Trong quá trình vận hành, nếu mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ, đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 14 của Quy trình này.

d) Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm c khoản này, nếu mực nước hồ cao hơn giá trị quy định tại Bảng 1 thì thực hiện vận hành để hạ dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1, khi xuất hiện một trong các tình huống sau đây:

- Mực nước tại Trạm thủy văn Nghĩa Khánh đã xuống dưới mức báo động I;

- Mực nước tại Trạm thủy văn Nghĩa Khánh vẫn trên mức báo động I nhưng dưới báo động II và dự báo có khả năng xuất hiện đợt lũ mới.

đ) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm d khoản này, nếu lũ lại tiếp tục lên thì căn cứ vào từng trường hợp mực nước tại các Trạm thủy văn Nghĩa Khánh, Chợ Tràng, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm a, b và c khoản này.

2. Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Nghĩa Khánh đang dưới mức báo động I thì thực hiện vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 2;

b) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm a khoản này, căn cứ vào mực nước tại các Trạm thủy văn Nghĩa Khánh, Chợ Tràng, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện các chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này.

Điều 10. Vận hành giảm lũ cho hạ du đối với hồ Ngàn Trươi

1. Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại các Trạm thủy văn Linh Cảm và Chợ Tràng chưa vượt mức báo động I thì thực hiện vận hành hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang chế độ vận hành hồ theo quy định tại điểm b, c và d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 14 của Quy trình này.

b) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Linh Cảm hoặc Chợ Tràng vượt mức báo động I nhưng vẫn dưới mức báo động II thì thực hiện vận hành duy trì mực nước hồ. Trường hợp lưu lượng đến hồ vượt quá năng lực xả tối đa của công trình nhưng chưa vượt quá 700 m^3/s thì thực hiện vận hành hồ bảo đảm mực nước không vượt quá cao trình 51,0 m.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại các trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang chế độ vận hành theo quy định tại các điểm c và d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 14 của Quy trình này;

c) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Linh Cảm hoặc Chợ Tràng bằng hoặc vượt mực nước quy định tại Bảng 3 của Quy trình này hoặc lưu lượng đến hồ lớn hơn 700 m^3/s thì thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du.

Trong quá trình vận hành, nếu mực nước hồ đạt cao trình 54,62 m, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ, đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình theo quy định tại Điều 14 của Quy trình này;

d) Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm c khoản này, nếu mực nước hồ cao hơn giá trị quy định tại Bảng 1 thì thực hiện vận hành để hạ dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1, khi xuất hiện một trong các tình huống sau đây:

- Mực nước tại các Trạm thủy văn Linh Cảm và Chợ Tràng đã xuống dưới mức báo động I;

- Mực nước tại Trạm thủy văn Linh Cảm hoặc Chợ Tràng vẫn trên mức báo động I nhưng đều dưới mức báo động II và dự báo có khả năng xuất hiện đợt lũ mới.

đ) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm d khoản này, nếu lũ lại tiếp tục lên thì căn cứ vào từng trường hợp mực nước tại các Trạm thủy văn Linh Cảm, Chợ Tràng, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

2. Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại các Trạm thủy văn Linh Cảm và Chợ Tràng đang dưới mức báo động I thì thực hiện vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 2; trừ trường hợp mực nước hồ đạt giá trị quy định tại Bảng 2 mà lưu lượng đến hồ vượt quá tổng lưu lượng xả tối đa của công trình.

b) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm a khoản này, căn cứ vào mực nước tại các Trạm thủy văn Linh Cảm, Chợ Tràng, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện các chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này.

Điều 11. Vận hành giảm lũ cho hạ du đối với hồ Hố Hô

1. Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Chu Lễ chưa vượt mức báo động I thì thực hiện vận hành hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2 và bảo đảm lưu lượng xả không lớn hơn 94,0 m^3/s.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang chế độ vận hành theo quy định tại điểm b, c và d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 14 của Quy trình này;

b) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Chu Lễ vượt mức báo động I nhưng vẫn dưới mức báo động II hoặc lưu lượng đến hồ từ 400 m^3/s đến 700 m^3/s thì thực hiện vận hành duy trì mực nước hồ.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang chế độ vận hành theo quy định tại điểm c và d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 14 của Quy trình này;

c) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Chu Lễ bằng hoặc vượt mực nước quy định tại Bảng 3 của Quy trình này hoặc lưu lượng đến hồ lớn hơn 700 m^3/s thì thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du.

Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm này, nếu mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ, đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình theo quy định tại Điều 14 của Quy trình này;

d) Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm c khoản này, nếu mực nước hồ cao hơn giá trị quy định tại Bảng 1 thì thực hiện vận hành để hạ dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1, khi xuất hiện một trong các tình huống sau đây:

- Mực nước tại Trạm thủy văn Chu Lễ đã xuống dưới mức báo động I;

- Mực nước tại Trạm thủy văn Chu Lễ vẫn trên mức báo động I nhưng dưới báo động II và dự báo có khả năng xuất hiện một đợt lũ mới;

đ) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm d khoản này, nếu lũ lại tiếp tục lên thì căn cứ vào từng trường hợp mực nước Trạm thủy văn Chu Lễ, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm a, b và c khoản này.

2. Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Chu Lễ đang dưới mức báo động I thì thực hiện vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt giá trị quy định tại Bảng 2;

b) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm a khoản này, căn cứ vào mực nước Trạm thủy văn Chu Lễ, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện các chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều này.

Điều 12. Vận hành giảm lũ đối với hồ Khe Bố

1. Khi hồ Bản Vẽ bắt đầu thực hiện vận hành giảm lũ cho hạ du, hồ Khe Bố vận hành như sau:

a) Trường hợp mực nước hồ cao hơn 64,0 m, vận hành hạ dần mực nước hồ bảo đảm không vượt quá 64,0 m.

b) Trường hợp mực nước hồ thấp hơn 64,0 m, vận hành bảo đảm mực nước hồ không vượt quá 64,0 m.

2. Trong quá trình vận hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, khi mực nước tại Trạm thủy văn Con Cuông vượt mức báo động II, phối hợp với hồ Bản Vẽ để cắt giảm lũ cho hạ du, khi đạt đến mực nước dâng bình thường thì chuyển sang thực hiện vận hành duy trì mực nước hồ, đồng thời sẵn sàng chuyển sang vận hành bảo đảm an toàn công trình theo quy định tại Điều 14 của Quy trình này.

3. Trong quá trình vận hành theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, căn cứ mực nước tại các Trạm thủy văn Thạch Giám và Con Cuông, mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, yêu cầu về phòng, chống ngập lụt ở thượng lưu hồ và việc bảo đảm an toàn cho hạ du, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An quyết định lưu lượng xả, thời gian xả và việc duy trì mực nước cụ thể của hồ để hạn chế tối đa tình trạng ngập, lụt ở thượng lưu hồ, bảo đảm an toàn cho hạ du, đồng thời bảo đảm an toàn công trình.

4. Khi hồ Bản Vẽ kết thúc quá trình vận hành giảm lũ cho hạ du, hồ Khe Bố chủ động vận hành theo quy định tại Điều 16 của Quy trình này.

Điều 13. Phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du đối với các hồ khác

Trong quá trình các hồ Bản Vẽ, Khe Bố, Bản Mồng, Ngàn Trươi và Hố Hô vận hành giảm lũ cho hạ du, các hồ chứa khác phải tham gia phối hợp vận hành để giảm lũ cho hạ du phù hợp với năng lực thực tế của hồ, tình hình mưa, lũ, không gây lũ chồng lũ và được quy định cụ thể như sau:

1. Đối với hồ Nậm Nơn:

a) Trong quá trình hồ Bản Vẽ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại Điều 8 của Quy trình này, vận hành hồ với tổng lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (sai số cho phép +/-10%);

b) Khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ, đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình theo quy định tại Điều 14 của Quy trình này.

2. Đối với hồ Chi Khê:

a) Trong quá trình các hồ Bản Vẽ, Khe Bố vận hành giảm lũ hạ du theo quy định tại Điều 8 và Điều 12 của Quy trình này, vận hành hồ với tổng lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (sai số cho phép +/-10%);

b) Khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ, đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình theo quy định tại Điều 14 của Quy trình này.

3. Đối với các hồ Nậm Mô, Bản Ang, Nhạn Hạc A và Châu Thắng:

a) Trong quá trình các hồ vận hành giảm lũ cho hạ du, bảo đảm an toàn công trình hoặc thực hiện chế độ vận hành trong tình huống bất thường, phải phối hợp vận hành để góp phần giảm lũ cho hạ du, bảo đảm an toàn công trình và xử lý các tình huống bất thường;

b) Khi mực nước các hồ đạt đến mực nước dâng bình thường (riêng hồ Nhạn Hạc A đạt đến cao trình 312,0 m) thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ, đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 14 của Quy trình này.

4. Ngoài việc thực hiện các quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, các hồ phải thực hiện việc vận hành hồ theo quyết định, chỉ đạo của người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này (nếu có).

Điều 14. Vận hành bảo đảm an toàn công trình

Trong quá trình vận hành, khi mực nước các hồ Bản Vẽ, Bản Mồng, Hố Hô đạt đến mực nước dâng bình thường (riêng mực nước hồ Ngàn Trươi đạt đến cao trình 54,62 m) mà lưu lượng đến hồ còn tiếp tục tăng và có khả năng ảnh hưởng đến an toàn của công trình thì Chủ hồ phải thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình theo Quy trình vận hành của hồ đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Đối với các hồ chứa khác không quy định tại Bảng 1 thì thực hiện theo quy định của Quy trình vận hành hồ chứa do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Đồng thời phải báo cáo ngay đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh theo phạm vi thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này, Bộ Công Thương đối với các hồ thủy điện, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với các hồ thủy lợi.

Riêng đối với hồ Hố Hô thì Chủ hồ còn phải báo cáo ngay tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Trị.

Điều 15. Tích nước cuối mùa lũ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phạm vi thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này xem xét, quyết định bằng văn bản việc vận hành tích nước cuối mùa lũ của các hồ: Bản Vẽ, Bản Mồng và Ngàn Trươi theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 của Quy trình này

trên cơ sở văn bản đề xuất của Chủ hồ. Trong vòng 03 ngày kể từ thời điểm nhận được văn bản đề xuất của Chủ hồ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phạm vi thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này có văn bản về việc tích nước đối với các hồ nêu trên.

Việc vận hành tích nước cuối mùa lũ phải bảo đảm mực nước hồ không vượt quá mực nước quy định tại Bảng 1. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phạm vi thẩm quyền tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này xem xét, quyết định tích nước đến mực nước dâng bình thường trên cơ sở văn bản đề xuất của Chủ hồ.

Trường hợp sau 03 ngày mà Chủ hồ chưa nhận được văn bản cho phép tích nước của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phạm vi thẩm quyền tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này thì Chủ hồ được phép chủ động thực hiện chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 của Quy trình này, đồng thời có văn bản báo cáo ngay Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh. Trong quá trình thực hiện, nếu có chỉ đạo của người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này thì thực hiện theo chỉ đạo.

2. Trường hợp có cảnh báo, dự báo xuất hiện El Niño, nguy cơ thiếu nước trên lưu vực sông Cả, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phạm vi thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này xem xét, quyết định thời gian tích nước sớm hơn và điều chỉnh lưu lượng, thời gian xả cho phù hợp để đảm bảo nguồn nước cho mùa cạn của năm tiếp theo. Đồng thời, thông báo tới Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh theo phạm vi thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này.

3. Trong quá trình vận hành tích nước theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Chủ hồ phải thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về tình hình thời tiết, mưa, lũ; mực nước tại các trạm thủy văn; mực nước, lưu lượng đến hồ. Nếu xuất hiện các tình huống quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 và khoản 1 Điều 24 của Quy trình này thì chuyển sang chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du hoặc chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình hoặc vận hành theo các tình huống bất thường, khẩn cấp theo quy định của Quy trình này.

4. Việc xem xét, quyết định chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ của các hồ phải bảo đảm an toàn cho công trình, tính mạng, tài sản của người dân, an toàn cho hạ du và các công trình, kết cấu hạ tầng khác và phải bảo đảm yêu cầu sử dụng nước ở hạ du theo quy định tại Điều 16 của Quy trình này.

Điều 16. Vận hành các hồ trong điều kiện bình thường

Trong thời gian các hồ thực hiện chế độ vận hành trong điều kiện bình thường quy định tại điểm d khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 7 của Quy trình này, Chủ hồ được chủ động vận hành nhưng phải đảm bảo mực nước không

vượt quá mực nước quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy trình này, duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập, nhà máy theo quy định và phải thực hiện vận hành hằng ngày để bảo đảm yêu cầu sử dụng nước ở hạ du như sau:

1. Đối với hồ Bản Vẽ phải bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày không nhỏ hơn 60 m^3/s. Trong các ngày hồ Khe Bố vận hành xả nước qua tràn, hồ được điều chỉnh giảm lưu lượng xả về hạ du.

2. Đối với hồ Khe Bố phải bảo đảm vận hành xả nước liên tục về hạ du sông Cả với lưu lượng không nhỏ hơn 95,5 m^3/s.

3. Đối với hồ Chi Khê phải bảo đảm vận hành xả nước liên tục về hạ du sông Cả với lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (sai số cho phép +/-20%).

4. Đối với hồ Bản Mồng

a) Khi mực nước hồ thấp hơn cao trình 75,0 m: Ngoài việc vận hành hệ thống cống lấy nước đầu kênh để bảo đảm cấp đủ nước trong hệ thống, phải tham gia điều tiết, cấp nước liên tục cho hạ du sông Hiếu với tổng lưu lượng xả không nhỏ hơn 23 m^3/s;

b) Khi mực nước hồ bằng hoặc cao hơn cao trình 75,0 m: Ngoài việc vận hành bảo đảm theo quy định tại điểm a khoản này, phải tham gia điều tiết, cấp nước cho hạ du theo yêu cầu.

5. Đối với hồ Ngàn Trươi

a) Khi mực nước hồ thấp hơn cao trình 35,5 m: Vận hành bảo đảm cấp đủ nước cho mục đích sinh hoạt và cấp đủ nước vào kênh tưới Hương Sơn, Vũ Quang và kênh chính Ngàn Trươi;

b) Khi mực nước hồ bằng hoặc cao hơn cao trình 35,5 m: Ngoài việc vận hành bảo đảm theo quy định tại điểm a khoản này, phải tham gia điều tiết, cấp nước cho hạ du theo yêu cầu.

6. Đối với các hồ Nậm Nơn, Nậm Mô, Bản Ang, Nhạn Hạc A, Châu Thắng và Hố Hô phải vận hành bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày tương đương với lưu lượng đến hồ (sai số cho phép +/-20%).

7. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, trường hợp cần thiết Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An đối với hồ Bản Vẽ thống nhất điều chỉnh lưu lượng và thời gian xả trong các ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định, nhưng mức giảm tối đa không vượt quá 50% theo các giá trị quy định tại Điều này.

8. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, khi có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đối với các hồ Bản Vẽ, Khe Bố, Chi Khê, Bản Mồng, Nậm Mô, Bản Ang, Nậm Nơn, Nhạn Hạc A, Châu Thắng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đối với các hồ Ngàn Trươi, Hố Hô thì các hồ phải thực hiện việc xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Chương III
VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA TRONG MÙA CẠN

Điều 17. Nguyên tắc vận hành trong mùa cạn

1. Bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; bảo đảm cấp nước an toàn đến cuối mùa cạn; bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, suối.

2. Căn cứ lưu lượng đến hồ, mực nước hồ và các khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III của Quy trình này (sau đây gọi tắt là Phụ lục III) để quyết định lưu lượng xả, thời gian xả phù hợp theo quy định của Quy trình này.

3. Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III thì phải căn cứ vào dự báo dòng chảy đến hồ, yêu cầu sử dụng nước tối thiểu ở hạ du để điều chỉnh giảm lưu lượng xả phù hợp với quy định của Quy trình này nhằm đưa mực nước hồ đạt khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III.

4. Trong quá trình vận hành, khi xảy ra các tình huống bất thường, khẩn cấp thì thực hiện theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 của Quy trình này.

5. Việc vận hành các hồ chứa phải căn cứ vào kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Cả do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố để đảm bảo an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt, duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, nhu cầu sử dụng nước ở hạ du, phát điện và góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Điều 18. Các thời kỳ vận hành hồ trong mùa cạn

1. Thời kỳ I: từ ngày 01 tháng 12 đến ngày 31 tháng 12.

2. Thời kỳ II: từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 15 tháng 02.

3. Thời kỳ III: từ ngày 16 tháng 02 đến ngày 31 tháng 3.

4. Thời kỳ IV: từ ngày 01 tháng 4 đến ngày 31 tháng 5.

5. Thời kỳ V:

a) Từ ngày 01 tháng 6 đến ngày 30 tháng 6 đối với các hồ Bản Vẽ, Khe Bố, Chi Khê, Nậm Nơn, Nậm Mô, Bản Ang, Bản Mồng, Nhạn Hạc A và Châu Thắng;

b) Từ ngày 01 tháng 6 đến ngày 14 tháng 8 đối với các hồ Ngàn Trươi và Hố Hô.

Điều 19. Thẩm quyền quyết định vận hành hồ trong mùa cạn

1. Chủ hồ được phép chủ động vận hành hồ nhưng phải tuân thủ các quy định tại các Điều 20, 21, 22 và Điều 23 của Quy trình này, trừ các trường hợp phải điều chỉnh chế độ vận hành quy định tại khoản 2, 3, 4 và khoản 5 Điều này và Điều 25 của Quy trình này.

2. Trong trường hợp vào đầu mùa cạn mà mực nước các hồ Bản Vẽ, Bản Mồng, Ngàn Trươi thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 25 của Quy trình này, thì căn cứ tình hình thực tế, lưu lượng đến hồ, mực nước hồ và dự báo lưu lượng đến hồ, Chủ hồ phải đề xuất phương án vận hành hồ, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đối với các hồ Bản Vẽ, Bản Mồng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đối với hồ Ngàn Trươi để chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, quyết định điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành hồ nhằm đưa mực nước hồ đạt khoảng mực nước theo quy định tại Phụ lục III.

3. Trường hợp 30 ngày liên tục mà mực nước các hồ Bản Vẽ, Bản Mồng, Ngàn Trươi vẫn thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 25 của Quy trình này, Chủ hồ phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đối với hồ Bản Vẽ, Bản Mồng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đối với hồ Ngàn Trươi để xem xét, quyết định điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành các hồ nhằm đưa mực nước hồ đạt khoảng mực nước theo quy định tại Phụ lục III.

4. Trường hợp cần thiết, vào đầu mùa cạn hoặc trong các thời kỳ vận hành hồ trong mùa cạn, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An và các đơn vị liên quan để thống nhất điều chỉnh lưu lượng, thời gian xả của các hồ Bản Vẽ, Khe Bố trong các ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định nhưng mức giảm tối đa không vượt quá 50% theo các giá trị quy định tại các Điều 20, Điều 22 của Quy trình này nhưng đảm bảo không nhỏ hơn 40 m^3/s đối với hồ Bản Vẽ, không nhỏ hơn 95,5 m^3/s đối với hồ Khe Bố.

5. Trong trường hợp xảy ra sự cố hoặc sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, các hạng mục công trình mà không thể vận hành theo Quy trình này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh xem xét, quyết định phương án điều tiết nước cho hạ du trên cơ sở phương án đề xuất, báo cáo của Chủ hồ.

Điều 20. Vận hành hồ Bản Vẽ

Hằng ngày, vận hành hồ xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định và bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày như sau:

1. Trường hợp mực nước hồ cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Không nhỏ hơn 60 m^3/s đối với thời kỳ I;

b) Không nhỏ hơn 100 m^3/s đối với thời kỳ II;

c) Không nhỏ hơn 75 m^3/s đối với thời kỳ III;

d) Không nhỏ hơn 130 m^3/s đối với thời kỳ IV và thời kỳ V.

2. Trường hợp mực nước hồ nằm trong khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Không nhỏ hơn 50 m^3/s đối với thời kỳ I;

b) Không nhỏ hơn 90 m^3/s đối với thời kỳ II;

c) Không nhỏ hơn 65 m^3/s đối với thời kỳ III;

d) Không nhỏ hơn 120 m^3/s đối với thời kỳ IV và thời kỳ V.

Trong quá trình vận hành, nếu mực nước hồ có khả năng thấp hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III tại thời điểm tiếp theo, thì phải điều chỉnh giảm lưu lượng xả, nhưng phải đảm bảo tổng lưu lượng xả trung bình ngày không nhỏ hơn giá trị quy định tương ứng các thời kỳ.

3. Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

a) Từ 40m^3/s đến 50 m^3/s đối với thời kỳ I;

b) Từ 80m^3/s đến 9 0m^3/s đối với thời kỳ II;

c) Từ 55m^3/s đến 65 m^3/s đối với thời kỳ III;

d) Từ 110m^3/s đến 120 m^3/s đối với thời kỳ IV và thời kỳ V.

4. Khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, hồ Bản Vẽ phải phối hợp, vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Điều 21. Vận hành hồ Bản Mồng

Hằng ngày, ngoài việc vận hành hệ thống cống lấy nước đầu kênh để bảo đảm cấp đủ nước trong hệ thống, phải tham gia điều tiết, xả nước liên tục về hạ du theo quy định như sau:

1. Trường hợp mực nước hồ cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

- Không nhỏ hơn 30 m^3/s đối với thời kỳ I, II và thời kỳ III;

- Không nhỏ hơn 40 m^3/s đối với thời kỳ IV và thời kỳ V.

2. Trường hợp mực nước hồ nằm trong khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

- Không nhỏ hơn 25 m^3/s đối với thời kỳ I, II và thời kỳ III;

- Không nhỏ hơn 35 m^3/s đối với thời kỳ IV và thời kỳ V.

Trong quá trình vận hành, nếu mực nước hồ có khả năng thấp hơn khoảng mực nước quy định trong Phụ lục III tại thời điểm tiếp theo, thì phải điều chỉnh giảm lưu lượng xả, nhưng phải đảm bảo tổng lưu lượng xả liên tục không nhỏ hơn giá trị quy định tương ứng các thời kỳ.

3. Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

- Từ 23 m^3/s đến 30 m^3/s đối với thời kỳ I, II và thời kỳ III;

- Từ 30 m^3/s đến 35 m^3/s đối với thời kỳ IV và thời kỳ V.

4. Khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, hồ Bản Mồng phải phối hợp, vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Điều 22. Vận hành hồ Khe Bố

Hằng ngày, căn cứ kế hoạch vận hành xả nước của hồ Bản Vẽ, mực nước hồ và diễn biến lưu lượng đến hồ, Chủ hồ phải chủ động cân đối nguồn nước, xây dựng kế hoạch vận hành hằng ngày để đảm bảo xả nước liên tục (24 giờ/ngày) về hạ du theo quy định như sau:

1. Đối với các thời kỳ II, IV và thời kỳ V:

a) Vận hành xả nước liên tục về hạ du không ít hơn 13 giờ/ngày và phải bảo đảm lưu lượng xả như sau:

- Không nhỏ hơn 100 m^3/s đối với thời kỳ II;

- Không nhỏ hơn 165 m^3/s đối với thời kỳ IV;

- Không nhỏ hơn 210 m^3/s đối với thời kỳ V.

b) Ngoài thời gian vận hành theo quy định tại điểm a khoản này, vận hành xả nước liên tục về hạ du với lưu lượng không nhỏ hơn 95,5 m^3/s.

2. Đối với thời kỳ I và thời kỳ III: Vận hành xả nước liên tục về hạ du với lưu lượng không nhỏ hơn 95,5 m^3/s.

3. Trong quá trình vận hành theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, trường hợp mực nước hồ Khe Bố đạt 65,0 m mà lưu lượng đến hồ vẫn tăng thì được phép điều chỉnh tăng lưu lượng xả hoặc thời gian xả cho phù hợp để duy trì mực nước hồ không vượt quá 65,0 m.

4. Khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, hồ Khe Bố phải phối hợp với hồ Bản Vẽ, vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Điều 23. Vận hành đối với các hồ Ngàn Trươi, Nậm Nơn, Chi Khê, Nậm Mô, Bản Ang, Châu Thắng, Nhạn Hạc A và Hố Hô

Hằng ngày, các hồ phải thực hiện vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và bảo đảm việc vận hành cấp nước như sau:

1. Đối với hồ Ngàn Trươi: Ngoài việc vận hành bảo đảm cấp đủ nước cho mục đích sinh hoạt và cấp đủ nước vào kênh tưới Hương Sơn, Vũ

Quang và kênh chính Ngàn Trươi, phải tham gia điều tiết, cấp nước cho hạ du nếu mực nước hồ nằm trong hoặc cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III của Quy trình này.

2. Đối với hồ Chi Khê: Khi hồ Khe Bố vận hành xả nước, vận hành hồ xả nước liên tục (24 giờ/ngày) về hạ du với tổng lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (sai số cho phép +/- 20%).

3. Đối với các hồ Nậm Nơn, Nậm Mô, Bản Ang, Châu Thắng, Nhạn Hạc A và Hố Hô: Phải vận hành xả nước về hạ du, bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày tương đương với lưu lượng đến hồ (sai số cho phép +/- 20%).

4. Khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An đối với các hồ Nậm Nơn, Chi Khê, Nậm Mô, Bản Ang, Châu Thắng, Nhạn Hạc A; Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đối với hồ Ngàn Trươi, Hố Hô, các hồ phải phối hợp, vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

Chương IV
VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA TRONG TÌNH HUỐNG BẤT THƯỜNG, KHẨN CẤP

Điều 24. Vận hành trong các tình huống bất thường, khẩn cấp mùa lũ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này xem xét, quyết định vận hành các hồ khác với quy định của Quy trình này khi xảy ra một trong các tình huống sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn dự báo, cảnh báo ở hạ du xuất hiện hoặc có nguy cơ xuất hiện lũ, ngập lụt với cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai từ cấp độ 3 trở lên;

b) Khi một trong các hồ Bản Vẽ, Bản Mồng và Ngàn Trươi đã sử dụng hết dung tích cắt, giảm lũ cho hạ du mà có dự báo, cảnh báo tiếp tục xuất hiện lũ lớn ở thượng lưu hồ;

c) Khi mực nước tại một trong các Trạm thủy văn Con Cuông, Nghĩa Khánh, Linh Cảm vượt mức quy định tại Bảng 3 và dự báo lũ trên sông còn tiếp tục tăng mà mực nước các hồ thượng lưu tương ứng đã đạt đến mực nước dâng bình thường (riêng hồ Ngàn Trươi đã đạt đến mực nước 54,62 m);

d) Xuất hiện sự cố hoặc có nguy cơ đe dọa đến an toàn của công trình hoặc đe dọa đến an toàn đê điều, kết cấu hạ tầng quan trọng, thiết yếu ở hạ du;

đ) Xảy ra các tình huống khẩn cấp về thiên tai;

e) Các tình huống khác với quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đập, hồ chứa hoặc đe dọa đến an toàn dân cư ở hạ du.

2. Trong quá trình xử lý các tình huống quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này xem xét, quyết định việc hạ mực nước hồ xuống thấp hơn giá trị mực nước quy định tại Bảng 2.

3. Trong quá trình xử lý các tình huống quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp xuất hiện các tình huống có nguy cơ đe dọa nghiêm trọng đến an toàn tính mạng, tài sản, kết cấu hạ tầng quan trọng, thiết yếu ở hạ du, trên cơ sở phương án đề xuất về mức độ, khả năng đảm bảo an toàn công trình của Chủ hồ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này báo cáo Bộ Công Thương đối với hồ thủy điện, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với hồ Bản Mồng trước khi xem xét, quyết định sử dụng một phần dung tích hồ, các hồ trên mực nước dâng bình thường để tham gia cắt, giảm lũ cho hạ du nhưng phải đảm bảo an toàn đập.

Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn có chức năng liên quan đến đảm bảo an toàn hồ chứa thủy điện, thủy lợi phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân tỉnh trong quá trình ra quyết định nêu trên.

Điều 25. Vận hành trong các tình huống bất thường, khẩn cấp mùa cạn

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này xem xét, quyết định vận hành các hồ khi xảy ra một trong các tình huống sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn cảnh báo, dự báo ở hạ du xuất hiện hoặc có nguy cơ xuất hiện lũ, ngập lụt với cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai từ cấp độ 2 trở lên;

b) Có khả năng xuất hiện lũ trên một hoặc nhiều lưu vực hồ chứa;

c) Xuất hiện sự cố hoặc có nguy cơ đe dọa đến an toàn của công trình hoặc đe dọa đến an toàn đê điều, kết cấu hạ tầng quan trọng, thiết yếu ở hạ du;

d) Các tình huống khác với quy định tại điểm a, b và c khoản này có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đập, hồ chứa nước hoặc đe dọa đến an toàn dân cư ở hạ du.

2. Việc xem xét, quyết định phương án vận hành các hồ trong các tình huống quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm an toàn công trình.

3. Khi xảy ra hạn hán, thiếu nước hoặc khi kịch bản nguồn nước công bố nguồn nước trên lưu vực sông Cả ở trạng thái thiếu nước hoặc thiếu nước nghiêm trọng hoặc có yêu cầu các hồ vận hành bảo đảm an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt hoặc góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, quyết định chế độ vận hành hồ cho phù hợp.

4. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, khi xảy ra các tình huống quy định tại Điều 24 thì thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Quy trình này.

Điều 26. Việc xem xét, quyết định phương án vận hành các hồ để xử lý các tình huống bất thường, khẩn cấp phải căn cứ vào diễn biến tình hình mưa, lũ, yêu cầu về bảo đảm an toàn cho công trình, an toàn cho hạ du và bảo đảm an toàn cho tính mạng, tài sản của người dân và các công trình, kết cấu hạ tầng khác. Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo thẩm quyền tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định.

Chương V
QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM, TỔ CHỨC VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 27. Trách nhiệm của Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Trị

1. Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An

a) Quyết định vận hành các hồ theo thẩm quyền trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này;

b) Tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa, lũ, quyết định các phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành hồ theo quy định. Việc ban hành lệnh vận hành hồ hạ thấp mực nước đón lũ và xả lũ phải trước ít nhất 04 giờ tính đến thời điểm thực hiện lệnh, trừ các tình huống bất thường, khẩn cấp. Việc đóng mở các cửa xả tuân theo quy trình vận hành hồ chứa được cấp có thẩm quyền ban hành;

c) Sử dụng hệ thống hỗ trợ ra quyết định hoặc dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa để xem xét, quyết định việc vận hành hồ theo thẩm quyền. Trong quá trình xem xét, quyết định vận hành, ngoài việc sử dụng các bản tin dự báo, cảnh báo của Cục Khí tượng Thủy văn, có thể tham khảo các thông tin dự báo, cảnh báo có liên quan;

d) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện lệnh vận hành hồ, chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ, lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn hạ du khi các hồ xả nước;

đ) Khi ban hành lệnh vận hành hồ phải thông báo ngay tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã trên địa bàn có khả năng bị lũ, lụt do vận hành hồ, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Hà Tĩnh, Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự của các Bộ: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường và báo cáo

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

Đối với lệnh vận hành các hồ chứa thủy điện còn phải thông báo ngay tới Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia. Riêng đối với hồ Bản Vẽ còn phải thông báo tới Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

e) Khi nhận được thông báo lệnh vận hành hồ từ Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Hà Tĩnh, phải thông báo ngay tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã trên địa bàn có khả năng bị lũ lụt do vận hành hồ, đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

2. Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Hà Tĩnh

a) Quyết định vận hành các hồ theo thẩm quyền trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này;

b) Tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa, lũ, quyết định các phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành hồ theo quy định. Việc ban hành lệnh vận hành hồ hồ hạ thấp mực nước đón lũ và xả lũ phải trước ít nhất 04 giờ tính đến thời điểm thực hiện lệnh, trừ các trường hợp khẩn cấp, bất thường. Việc đóng mở các cửa xả tuân theo quy trình vận hành hồ chứa được cấp có thẩm quyền ban hành;

c) Sử dụng hệ thống hỗ trợ ra quyết định hoặc dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa để xem xét, quyết định vận hành hồ chứa theo thẩm quyền. Trong quá trình xem xét, quyết định vận hành các hồ, ngoài việc sử dụng các bản tin dự báo, cảnh báo của Cục Khí tượng Thủy văn, có thể tham khảo các bản tin dự báo, cảnh báo có liên quan;

d) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo lệnh vận hành hồ; đồng thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ, lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn hạ du khi các hồ xả nước;

đ) Khi ban hành lệnh vận hành hồ phải chỉ đạo thông báo ngay tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã trên địa bàn có khả năng bị lũ, lụt do vận hành hồ, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ, Cục Khí tượng Thủy văn, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự của các Bộ: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Trưởng ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia bằng các hình thức phù hợp. Ngoài ra, khi ban hành lệnh vận hành đối với hồ Hố Hô, còn phải thông báo ngay tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Quảng Trị;

e) Khi nhận được thông báo lệnh vận hành từ Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Nghệ An phải thông báo ngay tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã trên địa bàn có khả năng bị lũ lụt do vận hành hồ, đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Phụ lục I

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHỦ YẾU CỦA CÁC HỒ CHỨA(*)

(Kèm theo Quy trình tại Quyết định số 2213/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Thông số	Đơn vị	Hồ										
			Bản Vẽ	Khe Bố	Chi Khê	Bản Mồng	Ngàn Trươi	Nậm Nơn	Nậm Mô	Bản Ang	Hố Hô	Nhạn Hạc A	Châu Thắng
I	**Các đặc trưng lưu vực**												
1	Diện tích lưu vực	km^2	8.700	14.300	15.380	2.800	408	8.855	2.612	3.829	278,6	560	842
2	Lưu lượng trung bình nhiều năm	m^3/s	133.4	254	273	95,90	31,2	138,8	65,74	101	19,6	17,5	32,1
3	Lưu lượng lũ kiểm tra	m^3/s	12.750	10.420	11.080	7.750	7.077	9.445	4.203	6.279	3.549	4.300	5.082
4	Lưu lượng lũ thiết kế	m^3/s	9.260	7.981	7.438	6.180	5.312	5.517	2.679	3.945	2.758	2.966	3.566
II	**Hồ chứa**												
1	Hình thức điều tiết		Nhiều năm	Ngày	-	Năm	Nhiều năm	-	Ngày	Ngày	Ngày	Ngày	Ngày
2	Mực nước dâng bình thường	m	200	65	38	76,40	52,00	76,0	157	85,0	70	310,0	114
3	Mực nước chết	m	155	63	38	65,00	25,00	76,0	154,3	83,0	67,5	298,0	112
4	Mực nước lũ kiểm tra	m	204,76	67,52	44,77	77,37	55,50	83,71	161,23	90,2	71,49	315,5	116
5	Mực nước lũ thiết kế	m	202,24	65,05	40,87	76,40	54,62	79,93	158,41	86,05	70	313,2	114
6	Dung tích ứng với MNDBT	10^6m^3	1.834,6	97,8	33,49	224,78	775,7	6,068	2,68	2,977	38	6,85	18,212
7	Dung tích hữu ích (Whi)	10^6m^3	1.383	17,2	-	170,45	704,0	-	1,19	0,865	6	4,82	4,217
8	Dung tích chết (Wc)	10^6m^3	451,6	80,6	-	54,33	71,7	-	1,49	2,112	32	2,03	13,995
III	**Đập dâng chính**												
1	Cao trình đỉnh đập	m	206	70	46	78,9	57,8	84,3	161,5	90,5	72	316,5	118,0
2	Chiều cao đập lớn nhất	m	135	38	26	45,40	61.8	19.5	30	32,5	49,8	26,32	13,5/18,00
3	Chiều dài đập theo đỉnh	m	480	365	28	383	363,00	85.0	97,5	122		75,14	15/19
IV	**Đập tràn**												
1	Số cửa van	bộ	6	8	8	5	7	3	8	6	3	2	4
2	Cao trình ngưỡng tràn	m	188,5	53,0	25,5	63,6	48,6	66,0	150,2	75,0	57,0	283,0	98,0
3	Số lượng và kích thước cửa van n(BxH)	m	6(10x11,5)	8(11x12)	8(14x12,5)	5(15x12,8)	7(12,0x3,4)	3(10x10,5)	8(7x7,5)	6(15x10)	3(10,5x13)	2(6,5x8,5)	4(5,6x7,6)
4	Lưu lượng xả tràn ứng với lũ thiết kế	m^3/s	6343	6.565,95	7.212	6.180	2.464	5.517	2.657	3.945	2.758	1.939,62	3.683,36
5	Lưu lượng xả tràn ứng với lũ kiểm tra	m^3/s	8172	8.826,91	10.691	7.467	3.129	9.445	4.171	6.279	3.292	2.040,45	4.697,68
V	**Nhà máy**												
1	Lưu lượng thiết kế (Qtk)	m^3/s	340,4	487,7	506,0	198,2	102.0	311,74	143,5	189,6	36,52	36,5	79,37
2	Công suất lắp máy (Nlm)	MW	320	100	41	45	25.5	20	16	17	14	55	14
3	Số tổ máy	Tổ	2	2	2	2	4	2	2	2	2	2	2

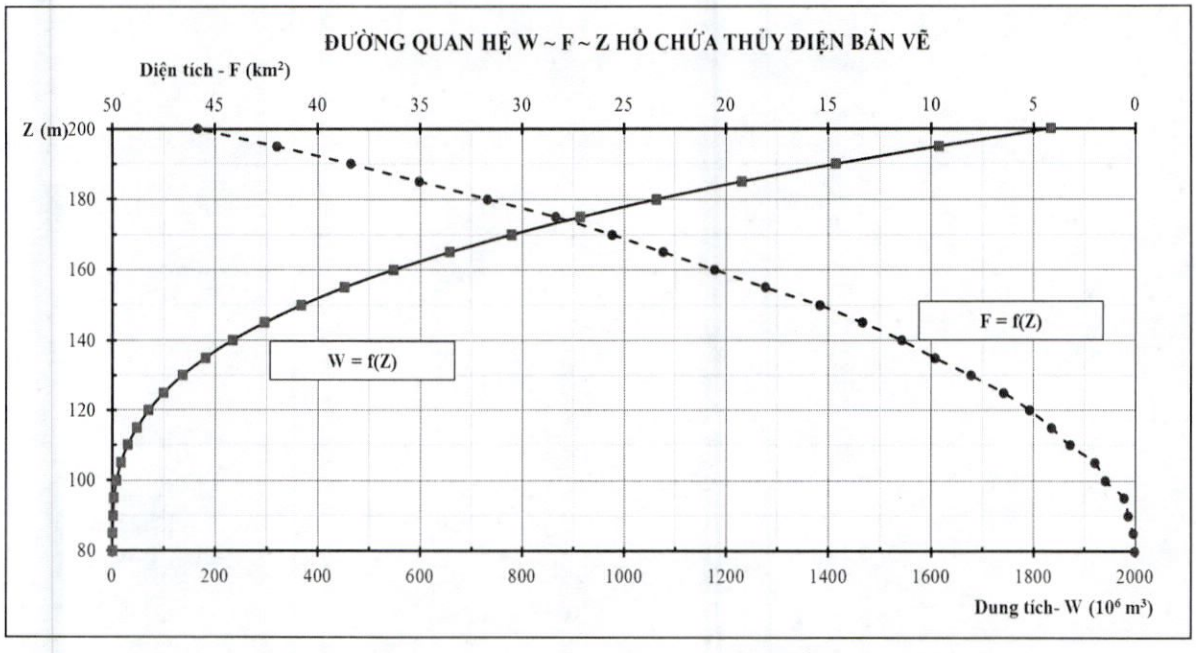
Ghi chú: (*) Các thông số kỹ thuật của các hồ chứa được cung cấp bởi đơn vị quản lý, vận hành

Phụ lục II
BẢNG TRA VÀ BIỂU ĐỒ QUAN HỆ MỰC NƯỚC, DUNG TÍCH

(Kèm theo Quy trình tại Quyết định số 2213/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

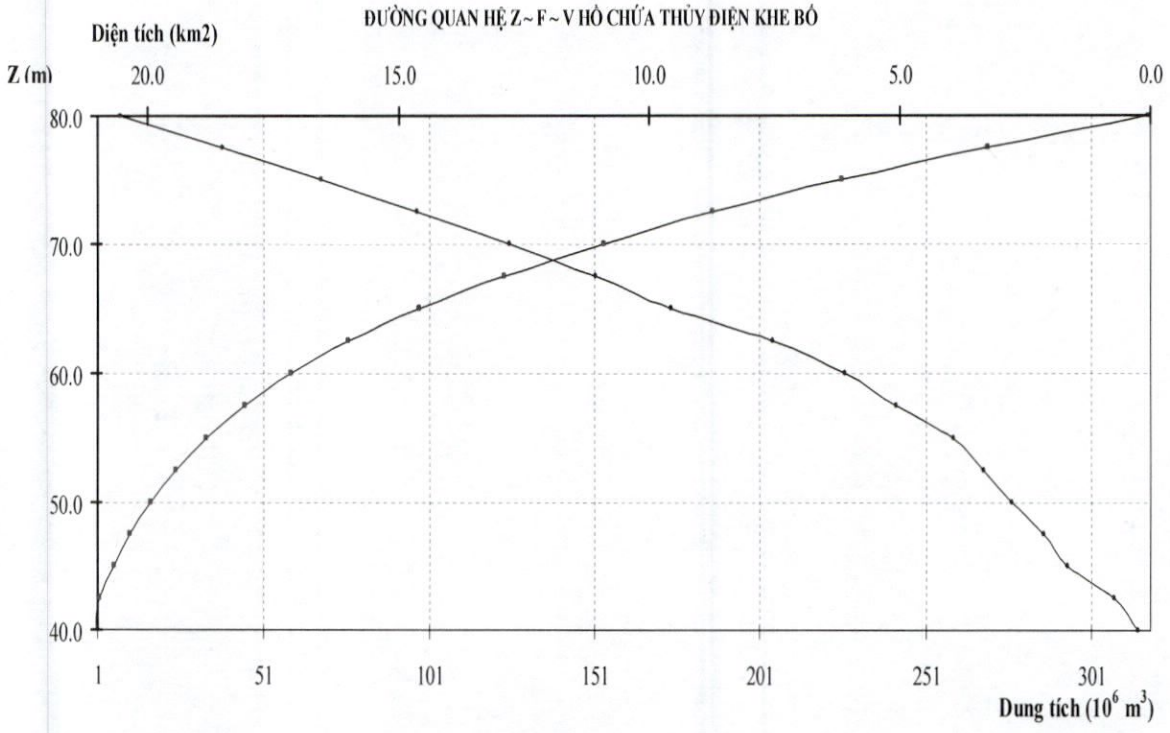
1. HỒ BẢN VẼ

Cao trình (m)	Diện tích (km^2)	Dung tích ($10^6 m^3$)
78,5	0	0
80	0,03	0,02
85	0,11	0,35
90	0,35	1,44
95	0,54	3,65
100	1,47	8,47
105	1,98	17,1
110	3,20	29,9
115	4,10	48,1
120	5,18	71,2
125	6,46	100,3
130	8,07	136,5
135	9,82	181,2
140	11,4	234,3
145	13,3	296,1
150	15,4	367,9
155	18,1	451,6
160	20,6	548,2
165	23,1	657,2
170	25,6	778,9
175	28,4	913,8
180	31,7	1063,9
185	35,05	1230,7
190	38,39	1414,2
195	42,0	1615,1
200	45,8	1834,6



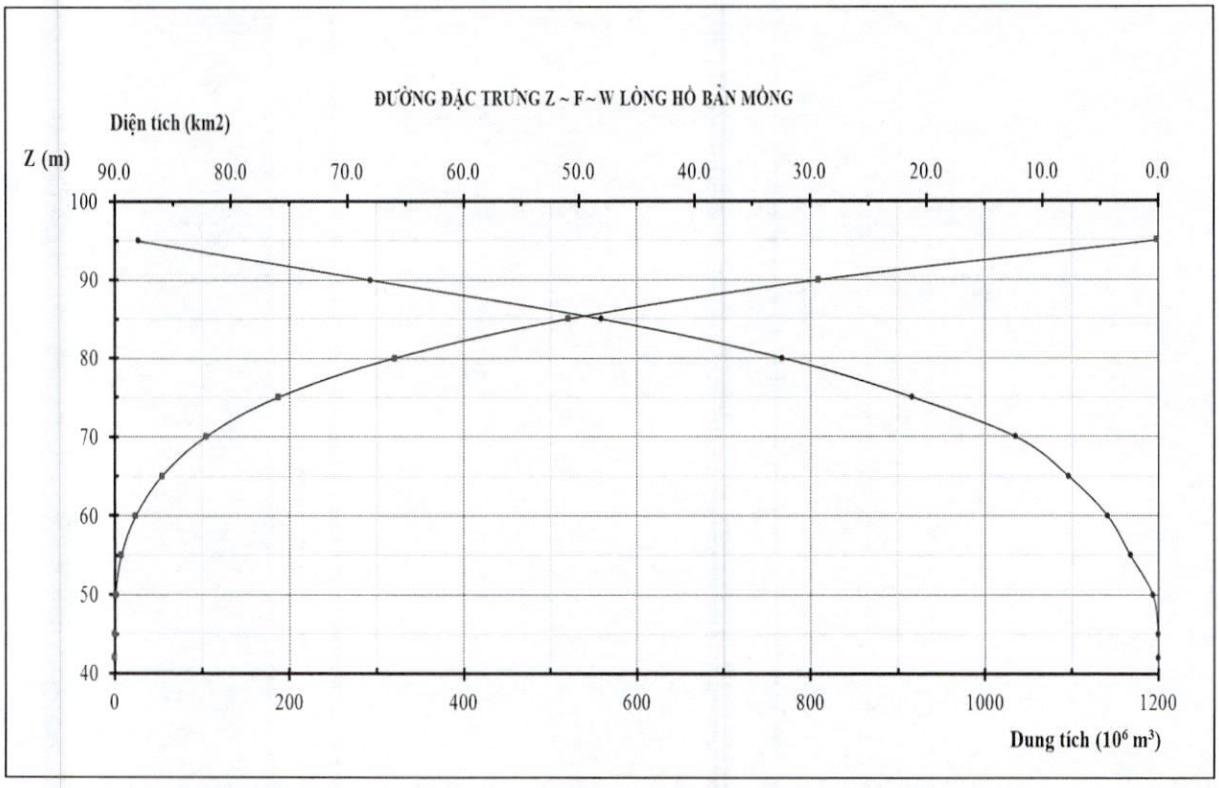
2. HỒ KHE BỐ

Cao trình (m)	**Diện tích** (km^2)	**Dung tích** (10^6m^3)
40,0	0,257	0,47
42,5	0,732	1,73
45,0	1,656	5,92
47,5	2,134	10,7
50,0	2,771	16,9
52,5	3,337	24,6
55,0	3,937	33,8
57,5	5,082	45,2
60,0	6,104	59,2
62,5	7,540	76,4
65,0	9,566	97,8
67,5	11,08	123,7
70,0	12,81	153,6
72,5	14,65	186,8
75,0	16,56	225,8
77,5	18,52	269,6
80,0	20,54	318,4



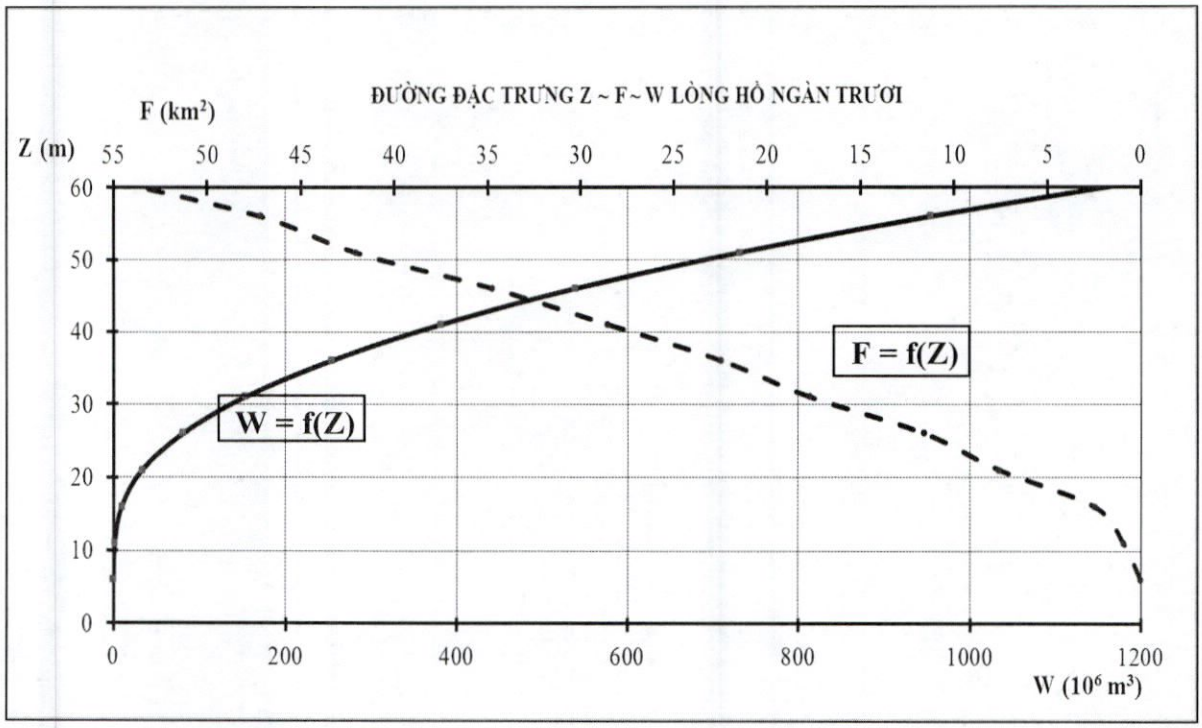
3. HỒ BẢN MỒNG

Cao trình (m)	Diện tích (km^2)	Dung tích ($10^6 m^3$)
42	0	0
45	0,006	0,01
50	0,470	0,89
55	2,417	7,47
60	4,407	24,29
65	7,769	54,33
70	12,393	104,29
75	21,277	187,47
80	32,418	320,73
85	48,091	520,72
90	68,045	809,62
95	87,999	1.198,67



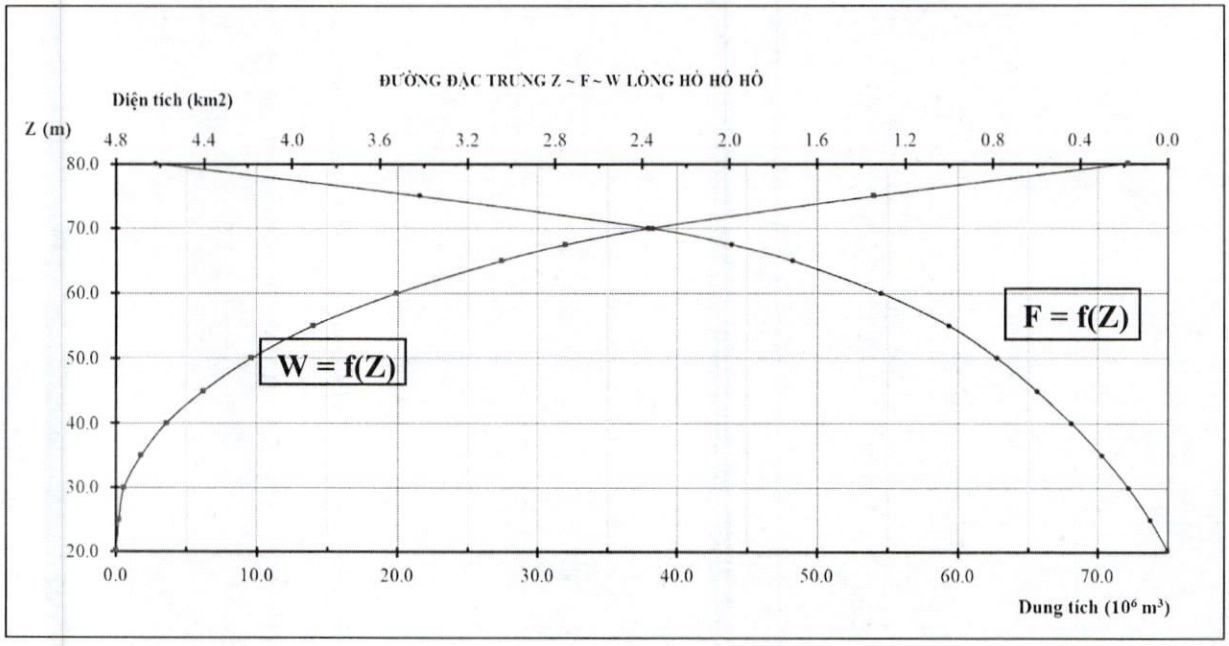
4. HỒ NGÀN TRƯƠI

Cao trình (m)	**Diện tích** (km^2)	**Dung tích** ($10^6 m^3$)
6	0	0
11	0,911	1,52
16	2,466	9,64
21	7,597	33,6
26	11,585	81,2
31	17,702	153,9
36	22,455	254,1
41	28,552	381,3
46	34,760	539,3
51	42,087	731,1
56	47,148	954,1
61	55,135	1.209,6



5. HỒ HỐ HÔ

Cao trình (m)	**Diện tích** (km^2)	**Dung tích** (10^6m^3)
20,2	0,00	0,00
25	0,08	0,20
30	0,18	0,57
35	0,30	1,80
40	0,44	3,57
45	0,60	6,20
50	0,78	9,62
55	1,00	14,00
60	1,31	19,94
65	1,71	27,40
67,5	1,99	32,00
70	2,35	37,95
75	3,42	54,00
80	4,62	72,15



Phụ lục III

KHOẢNG MỰC NƯỚC ĐỂ ĐIỀU HÀNH CÁC HỒ TRONG MÙA CẠN

(Kèm theo Quy trình tại Quyết định số 2213/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Khoảng thời gian (ngày/tháng)		Khoảng mực nước (m)					
			Bản Vẽ		Bản Mồng		Ngàn Trươi	
	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến	Từ	Đến
1	01/12	10/12	196,5	198,0	72,30	75,0	35,5	52,0
2	11/12	20/12	196,3	197,8	72,24	75,0		
3	21/12	30/12	196,0	197,6	72,19	75,0		
4	01/1	10/01	195,7	197,4	72,11	75,0	36,0	52,0
5	11/1	20/01	195,0	196,6	71,69	74,7		
6	21/1	31/01	194,0	195,8	71,38	74,5		
7	01/2	10/02	193,0	194,7	70,8	74,3	36,5	52,0
8	11/2	20/02	191,5	192,7	70,7	74,3		
9	21/2	28/02 (29/02)	190,7	192,0	70,7	74,3		
10	01/3	10/3	190,0	191,0	70,7	74,3	37,0	51,5
11	11/3	20/3	189,2	190,3	70,7	74,0		
12	21/3	31/3	188,5	189,6	70,7	74,0		
13	01/4	10/4	187,7	190,4	70,7	74,0	36,5	50,0
14	11/4	20/4	185,3	188,0	70,0	73,0		
15	21/4	30/4	183,0	186,0	69,0	72,2		
16	01/5	10/5	180,7	183,6	68,4	71,6	34,5	49,0
17	11/5	20/5	178,4	181,4	68,3	71,6		
18	21/5	31/5	176,0	179,0	68,3	71,6		
19	01/6	10/6	172,0	176,5	67,5	71,0	33,0	47,0
20	11/6	20/6	168,0	174,0	67,0	70,8		
21	21/6	30/6	164,7	171,0	66,5	70,6		
22	01/7	30/7	(*)				29,0	44,0
23	01/8	14/8	(*)				26,0	42,0

(*) Thời gian vận hành mùa lũ